

BÁO CÁO TÓM TẮT

Kết quả Chỉ số CCHC năm 2025 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (PAR INDEX 2025)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác tự đánh giá và thẩm định

- Thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 76/NQ-CP), Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 1187/QĐ-BNV ngày 15/10/2025 phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” (gọi tắt là Đề án 1187). Theo đó, Chỉ số CCHC bao gồm 02 bộ tiêu chí đánh giá cho cấp bộ và cấp tỉnh, cụ thể: Chỉ số CCHC cấp bộ bao gồm 7 lĩnh vực đánh giá, 43 tiêu chí và 95 tiêu chí thành phần; tổng điểm đánh giá là 100 điểm, trong đó, 68.50 điểm đánh giá kết quả cải cách hành chính theo các tiêu chí cụ thể và 31.50 điểm là đánh giá thông qua điều tra xã hội học; Chỉ số CCHC cấp tỉnh bao gồm 8 lĩnh vực đánh giá, 38 tiêu chí và 88 tiêu chí thành phần; tổng điểm đánh giá là 100 điểm, trong đó, 68 điểm đánh giá kết quả cải cách hành chính và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, 32 điểm đánh giá thông qua điều tra xã hội học.

- Bộ Nội vụ đã phê duyệt Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2025¹; ban hành văn bản² hướng dẫn tự đánh giá; thành lập Hội đồng thẩm định với sự tham gia của lãnh đạo cấp bộ, cấp vụ, cục của các bộ, cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC và tổ chức triển khai các nhiệm vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2025 theo kế hoạch. Trong tháng 01/2026, các bộ, địa phương tiến hành tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí quy định của Chỉ số CCHC, gửi dữ liệu kết quả đánh giá đến Bộ Nội vụ qua phần mềm Quản lý chấm điểm. Từ tháng 02 - tháng 3/2026, Hội đồng thẩm định đã triển khai công tác thẩm định và thông qua kết quả Chỉ số CCHC của các bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Công tác điều tra xã hội học (XHH)

a) Về khảo sát các nhóm đối tượng lãnh đạo, quản lý:

- Phương thức tổ chức điều tra XHH xác định Chỉ số CCHC năm 2025 thực hiện thông qua các phiếu khảo sát điện tử được gửi đến địa chỉ hộp thư của từng đối tượng trả lời phiếu. Kết quả điểm được tính, cập nhật theo thời gian thực trong suốt thời gian khảo sát.

- Theo kết quả, Bộ Nội vụ đã tiến hành khảo sát và nhận được trên Hệ thống là **64,045** phiếu của công chức, lãnh đạo, quản lý các cấp để phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2025 của các bộ, tỉnh.

¹ Ban hành tại Quyết định số 1223/QĐ-BNV ngày 23/10/2025.

² Văn bản số 12094/BNV-CCHC ngày 15/12/2025.

b) Về khảo sát người dân:

Bộ Nội vụ đã phối hợp với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các cơ quan liên quan thực hiện khảo sát trên khảo sát **35,649** người dân để phục vụ xác định Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025; đồng thời, kết quả khảo sát người dân được sử dụng để tính điểm, đánh giá một số tiêu chí trong Chỉ số CCHC năm 2025 của các tỉnh, thành phố. Như vậy, tổng số phiếu khảo sát các nhóm đối tượng phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2025 là gần **100 nghìn** phiếu.

Kết quả phiếu điều tra xã hội học hợp lệ được tổng hợp

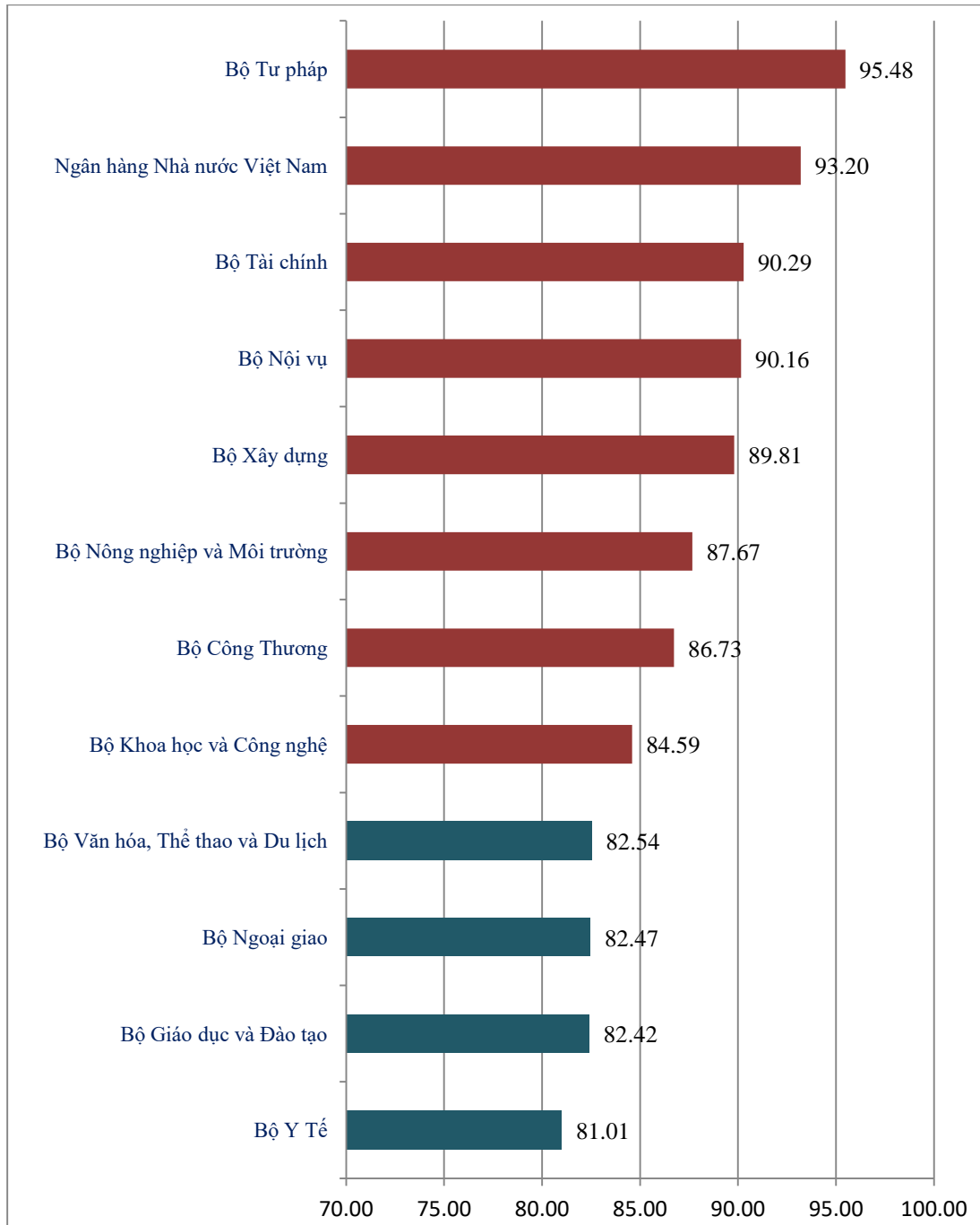


II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - PAR INDEX 2025

1. Kết quả PAR INDEX 2025 của các bộ, cơ quan ngang bộ

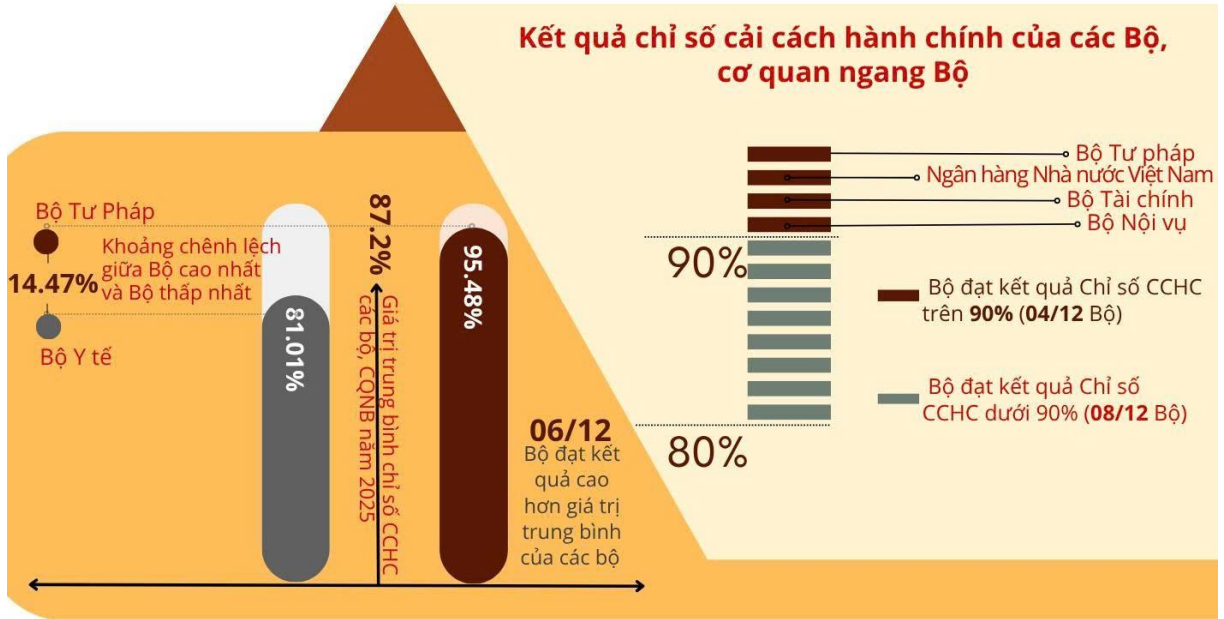
Bảng 1: Chỉ số tổng hợp - PAR INDEX 2025 của các bộ, cơ quan ngang bộ

STT	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Điểm thẩm định	Điểm điều tra XHH	Tổng điểm đạt được	Chỉ số (<i>PAR Index 2025</i>)
1.	Bộ Tư pháp	66.98	28.50	95.48	95.48
2.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	65.10	28.11	93.20	93.20
3.	Bộ Tài chính	63.03	27.27	90.29	90.29
4.	Bộ Nội vụ	63.12	27.04	90.16	90.16
5.	Bộ Xây dựng	63.60	26.21	89.81	89.81
6.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	61.75	25.93	87.67	87.67
7.	Bộ Công Thương	61.47	25.26	86.73	86.73
8.	Bộ Khoa học và Công nghệ	59.22	25.37	84.59	84.59
9.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	56.70	25.84	82.54	82.54
10.	Bộ Ngoại giao	56.52	25.95	82.47	82.47
11.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	57.23	25.19	82.42	82.42
12.	Bộ Y Tế	55.84	25.17	81.01	81.01
				<i>Trung bình</i>	87.20



Biểu đồ 1: Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ

Hình 1: Một số số liệu về kết quả Chỉ số CCHC



- Kết quả Chỉ số CCHC năm 2025 các bộ, cơ quan ngang bộ cho thấy có 02 nhóm điểm:

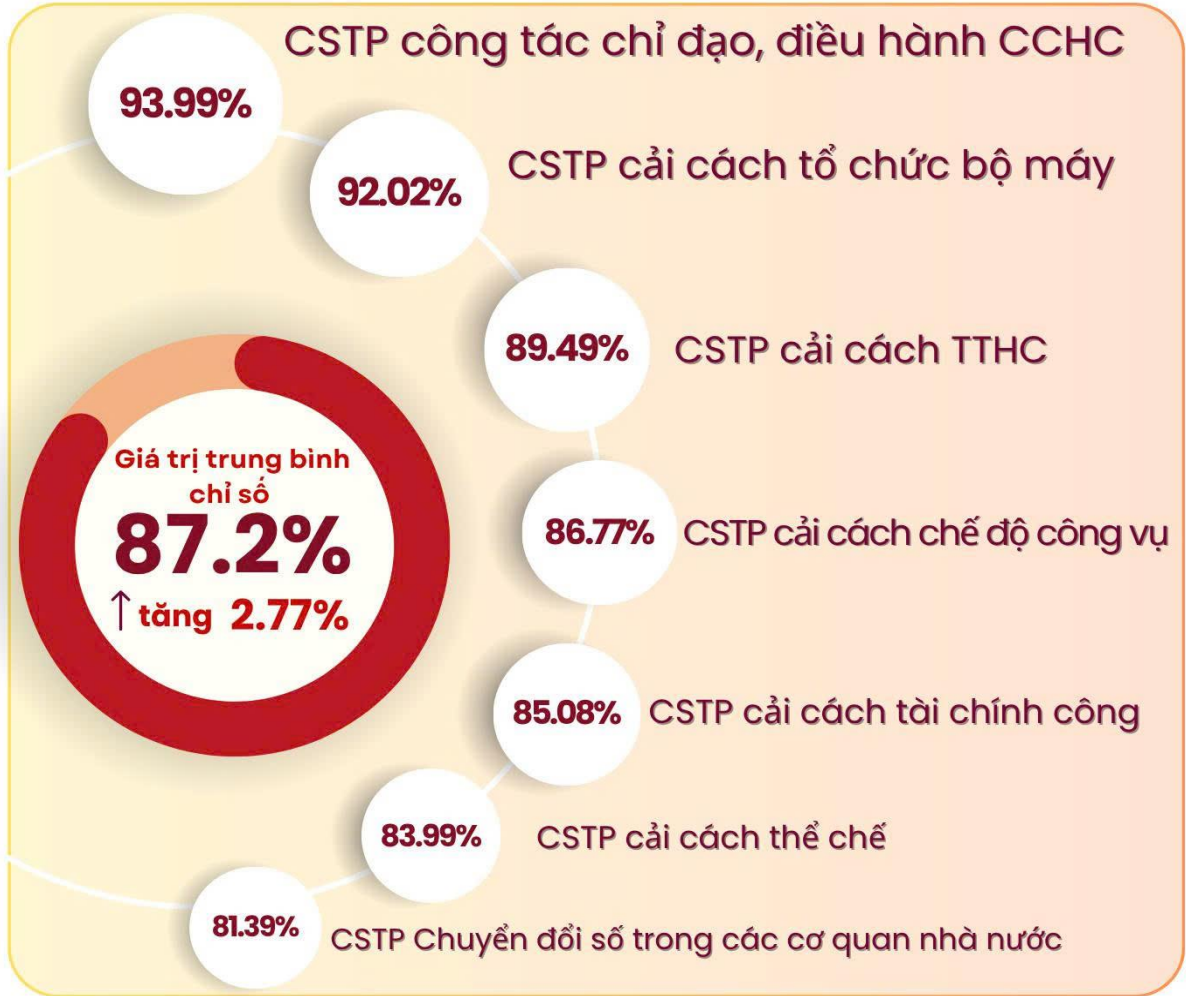
+ Nhóm Chỉ số CCHC trên 90%, bao gồm 04 đơn vị: Bộ Tư pháp; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ.

+ Nhóm Chỉ số CCHC dưới 90%, có 08 đơn vị là: Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Ngoại giao; Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Không có đơn vị nào có kết quả dưới 80%.

Bộ Tư pháp đạt Chỉ số CCHC năm 2025 cao nhất với kết quả là 95.48%, cao hơn 14.47% so với Bộ Y tế, đơn vị có kết quả Chỉ số CCHC năm 2025 thấp nhất, với giá trị là 81.01%.

- Giá trị trung bình Chỉ số CCHC của 12 bộ, cơ quan ngang bộ năm 2025 là 87.2%, tăng 2.77% so với năm 2024 (giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2024 của các bộ là 84.43%). Có 06/12 bộ có Chỉ số CCHC năm 2025 trên mức giá trị trung bình.

Hình 2: Giá trị trung bình Chỉ số PAR INDEX và các Chỉ số thành phần



Bảng 2: Giá trị trung bình của các Chỉ số thành phần

STT	Các chỉ số thành phần	Giá trị trung bình năm 2025 (%)	Giá trị trung bình năm 2024 (%)	Giá trị tăng/giảm 2025 so với 2024 ³
1	Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	93.99	94.95	- 0.96
2	Chỉ số thành phần cải cách thể chế	83.99	79.42	+ 4.56
3	Chỉ số thành phần cải cách TTHC	89.49	83.38	+ 6.11
4	Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy	92.02	90.62	+ 1.40
5	Chỉ số thành phần cải cách chế độ công vụ	86.77	88.77	- 1.99
6	Chỉ số thành phần cải cách tài chính công	85.08	74.55	+ 10.53
7	Chỉ số thành phần Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước	81.39	81.20	+ 0.19

³ Một số số liệu đã được làm tròn

- Giá trị trung bình của 07 chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực cho thấy, có 5/7 chỉ số thành phần có giá trị trung bình tăng hơn so với năm 2024, bao gồm: “Cải cách thể chế”; “Cải cách thủ tục hành chính”; “Cải cách tổ chức bộ máy”; “Cải cách tài chính công” và “Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước“. 02/7 chỉ số thành phần có giá trị trung bình giảm so với năm 2024 là: “Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC”; “Cải cách chế độ công vụ”.

Phân tích cụ thể 07 chỉ số thành phần cho thấy:

+ Chỉ số thành phần “Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC” có giá trị trung bình cao nhất trong số 07 Chỉ số thành phần với giá trị 93.99%. Điều này tiếp tục khẳng định cải cách hành chính luôn được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho tới các bộ, ngành. Tuy giá trị trung bình có giảm hơn so với năm 2024, nhưng giá trị giảm không nhiều (giảm 0.96%, từ 94.95% năm 2024 giảm xuống 93.99% năm 2025). Nguyên nhân là do có 02 bộ không đạt điểm số tại tiêu chí “Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ“. Bên cạnh đó, có 04/12 bộ chỉ đạt 50% số điểm tại tiêu chí “Công tác tuyên truyền CCHC“. Mặc dù vậy, điểm sáng nổi bật ở năm 2025 là giá trị trung bình của Tiêu chí “Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao” tăng cao hơn so với năm 2024, từ 93.81% tăng lên 98.07%. Có 04 đơn vị đạt tỷ lệ điểm số tối đa tại Tiêu chí này, bao gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Nội vụ. Tổng hợp lại, năm 2025 có 10/12 bộ đạt Chỉ số thành phần trên 90%; chỉ có Bộ Ngoại giao (83.92%) và Bộ Giáo dục và Đào tạo (83.74%) là những đơn vị có Chỉ số thành phần dưới 90%.

+ Chỉ số thành phần có giá trị trung bình cao thứ hai là “Cải cách tổ chức bộ máy“; với giá trị trung bình 92.02%, tăng 1.40% so với năm 2024 (từ 90.62% năm 2024, tăng lên 92.02% năm 2025). Năm 2025, các bộ, cơ quan tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Có 11/12 bộ, cơ quan có Chỉ số thành phần trên 90%. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với giá trị 87.94% là đơn vị duy nhất có Chỉ số thành phần dưới 90%.

+ Chỉ số thành phần “Cải cách TTHC” có giá trị trung bình là 89.49%, xếp vị trí thứ 3/7 Chỉ số thành phần. Năm 2025, Chỉ số thành phần “Cải cách TTHC” tăng 6.11% so với năm 2024 (83.38%); 06/12 bộ có Chỉ số thành phần trên 90%, đó là Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao và Bộ Xây dựng.

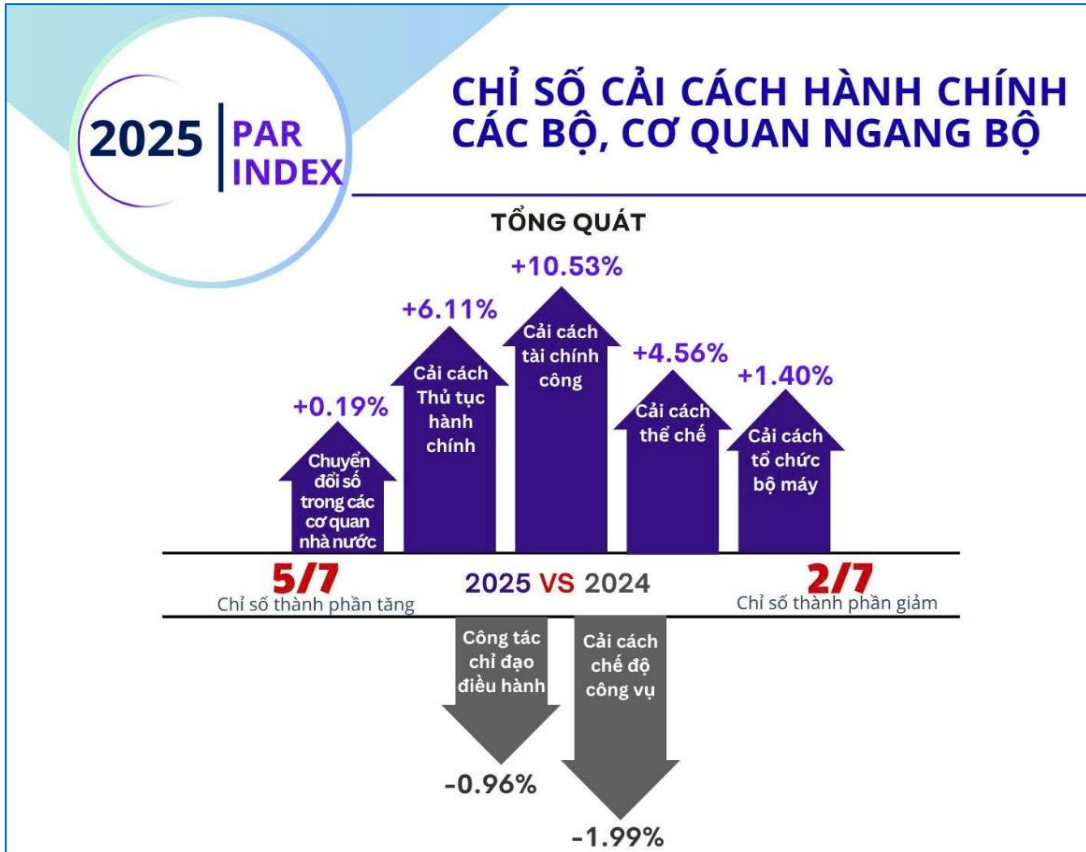
+ Chỉ số thành phần “Cải cách chế độ công vụ” có giá trị trung bình xếp vị trí thứ 4/7, với giá trị 86.77%, giảm 1.99% so với năm 2024 (từ 88.77% năm 2024 giảm xuống 86.77% năm 2025). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (95.83%); Bộ Tài chính (95.06%) và Bộ Tư pháp (93.48%) là những đơn vị đứng đầu Chỉ số thành phần “Cải cách chế độ công vụ“. Có 09/12 bộ có Chỉ số thành phần dưới 90%. Bộ Ngoại giao là đơn vị đứng cuối Chỉ số thành phần “Cải cách chế độ công vụ” với giá trị 69.60%.

+ Chỉ số thành phần “Cải cách tài chính công” có giá trị trung bình xếp thứ 5/7, với giá trị 85.08%, tăng 10.53% so với năm 2024 (từ 74.55% năm 2024 lên 85.08% năm 2025). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính có giá trị trên 90%, đồng thời cũng là những đơn vị đứng đầu Chỉ số thành phần “Cải cách tài chính công”. Có 02/12 bộ có Chỉ số thành phần dưới 70%, đồng thời cũng là những đơn vị đứng cuối Chỉ số thành phần “Cải cách tài chính công”, bao gồm: Bộ Y tế (69.80%) và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (67.62%). Có tới 11/12 bộ không đạt điểm số tối đa tại tiêu chí thành phần “Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước”.

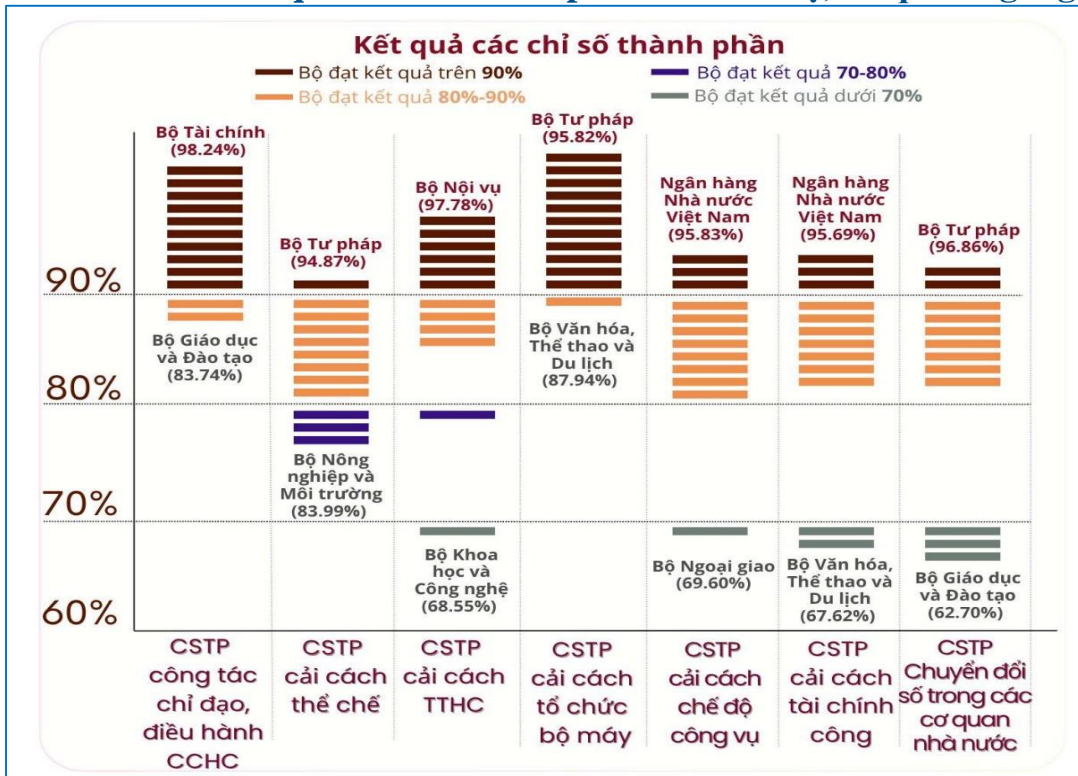
+ Chỉ số thành phần “Cải cách thể chế” có giá trị trung bình xếp thứ 6/7, với giá trị 83.99%, tăng hơn so với năm 2024 là 4.56% (từ 79.42% năm 2024 lên 83.99% năm 2025). Bộ Tư pháp là đơn vị duy nhất có giá trị Chỉ số thành phần trên 90% với giá trị 94.87%. Trong khi đó, có 3 đơn vị có giá trị dưới 80%, bao gồm Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (79.79%); Bộ Ngoại giao (77%) và Bộ Nông nghiệp và Môi trường (74.12%), đây cũng là những đơn vị đứng cuối Chỉ số thành phần “Cải cách thể chế”.

+ Chỉ số thành phần “Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước” (Năm 2024 là Chỉ số thành phần “Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số”) có giá trị trung bình thấp nhất trong số 07 Chỉ số thành phần, với giá trị 81.39%, tuy nhiên đã tăng 0.19% so với năm 2024 (từ 81.20% năm 2024 lên 81.39% năm 2025). Kết quả đánh giá cho thấy, các bộ còn nhiều tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong năm 2025. Có 9/12 bộ có giá trị Chỉ số thành phần trên 80%. Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính là 02 đơn vị dẫn đầu Chỉ số thành phần với giá trị lần lượt là 96.86% và 96.05%. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (67.27%); Bộ Y tế (62.97%) và Bộ Giáo dục và Đào tạo (62.70%) là những đơn vị có giá trị Chỉ số thành phần thấp nhất, đồng thời cũng là những đơn vị đứng cuối bảng xếp hạng Chỉ số thành phần này.

Hình 3: So sánh giá trị trung bình các chỉ số thành phần các năm 2025, và 2024



Hình 4: Tóm tắt kết quả Chỉ số thành phần của các bộ, cơ quan ngang bộ



2. Kết quả PAR INDEX 2025 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Bảng 3: Chỉ số CCHC năm 2025 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Xếp hạng	Tỉnh, thành phố	Điểm thẩm định (61.50)	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp (Par Index 2025)
			Khảo sát người dân (10)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (22)	Tác động đến PT KTXH (6.50)		
1	Hải Phòng	59.40	9.12	20.92	5.93	95.37	95.37
2	Quảng Ninh	59.73	8.81	18.18	6.44	93.16	93.16
3	Đông Nai	58.34	8.67	19.94	6.15	93.10	93.10
4	Ninh Bình	59.66	8.35	18.86	6.21	93.08	93.08
5	Hà Nội	58.76	8.21	19.70	6.23	92.90	92.90
6	Thái Nguyên	59.27	8.47	18.94	5.85	92.54	92.54
7	Lâm Đồng	59.05	8.44	19.04	5.70	92.22	92.22
8	Tây Ninh	57.94	8.27	19.73	6.25	92.20	92.20
9	Bắc Ninh	59.14	7.89	18.22	6.22	91.47	91.47
10	TP. Hồ Chí Minh	58.57	8.44	18.22	6.18	91.41	91.41
11	Huế	58.96	8.43	18.91	5.04	91.33	91.33
12	Đà Nẵng	58.87	8.36	17.57	6.41	91.21	91.21
13	Khánh Hòa	58.51	8.51	18.48	5.55	91.03	91.03
14	Hưng Yên	58.78	8.52	17.78	5.93	91.01	91.01
15	Phú Thọ	58.60	8.27	18.34	5.76	90.96	90.96
16	Gia Lai	58.01	8.58	17.98	5.63	90.20	90.20
17	Cần Thơ	57.88	8.44	18.26	5.47	90.05	90.05
18	Tuyên Quang	57.15	8.23	19.29	5.34	90.01	90.01
19	Hà Tĩnh	57.42	7.96	18.99	5.62	89.99	89.99
20	Cà Mau	57.82	8.35	18.14	5.55	89.85	89.85
21	Lào Cai	57.49	8.47	18.10	5.60	89.67	89.67
22	Đắk Lắk	58.34	8.17	17.49	5.38	89.38	89.38
23	Sơn La	56.65	8.38	18.94	5.29	89.26	89.26
24	Đồng Tháp	57.74	8.10	17.60	5.60	89.05	89.05
25	Vĩnh Long	57.84	8.17	18.04	5.00	89.04	89.04
26	Thanh Hóa	57.04	7.93	18.03	5.77	88.77	88.77
27	Quảng Trị	56.94	7.92	17.92	5.50	88.28	88.28
28	Nghệ An	56.72	8.45	17.42	5.56	88.15	88.15
29	Điện Biên	55.52	8.34	18.75	5.06	87.67	87.67
30	Quảng Ngãi	56.88	8.23	17.25	4.88	87.23	87.23
31	An Giang	54.91	8.14	17.57	5.88	86.50	86.50
32	Lai Châu	55.52	7.71	17.57	4.72	85.51	85.51
33	Lạng Sơn	55.49	8.06	17.71	3.18	84.44	84.44
34	Cao Bằng	54.68	7.91	16.30	3.85	82.73	82.73
Trung bình		57.74	8.30	18.36	5.55	89.96	89.96

Theo đánh giá, kết quả Chỉ số CCHC tiếp tục duy trì đà tăng trưởng kéo dài từ năm 2019 đến nay. Năm 2025, giá trị trung bình Chỉ số CCHC của các tỉnh, thành phố đạt 89.96%, cao hơn 1.59% so với năm 2024 (đạt 88.37%) và cao nhất từ trước đến nay.

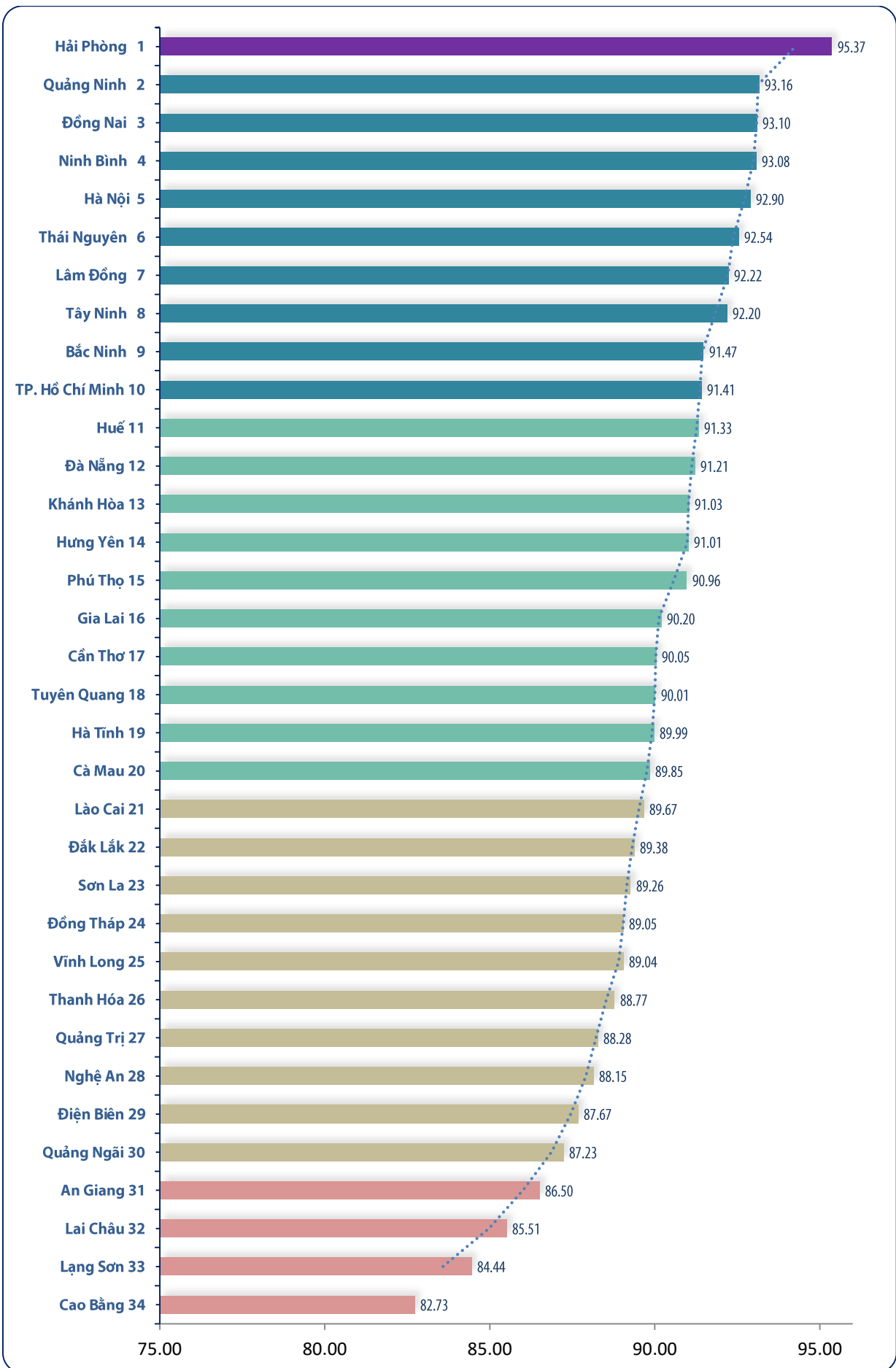
Kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2025 của các tỉnh, thành phố được phân theo 2 nhóm như sau:

Nhóm A, đạt kết quả Chỉ số từ 90% trở lên, gồm **18** tỉnh, thành phố.

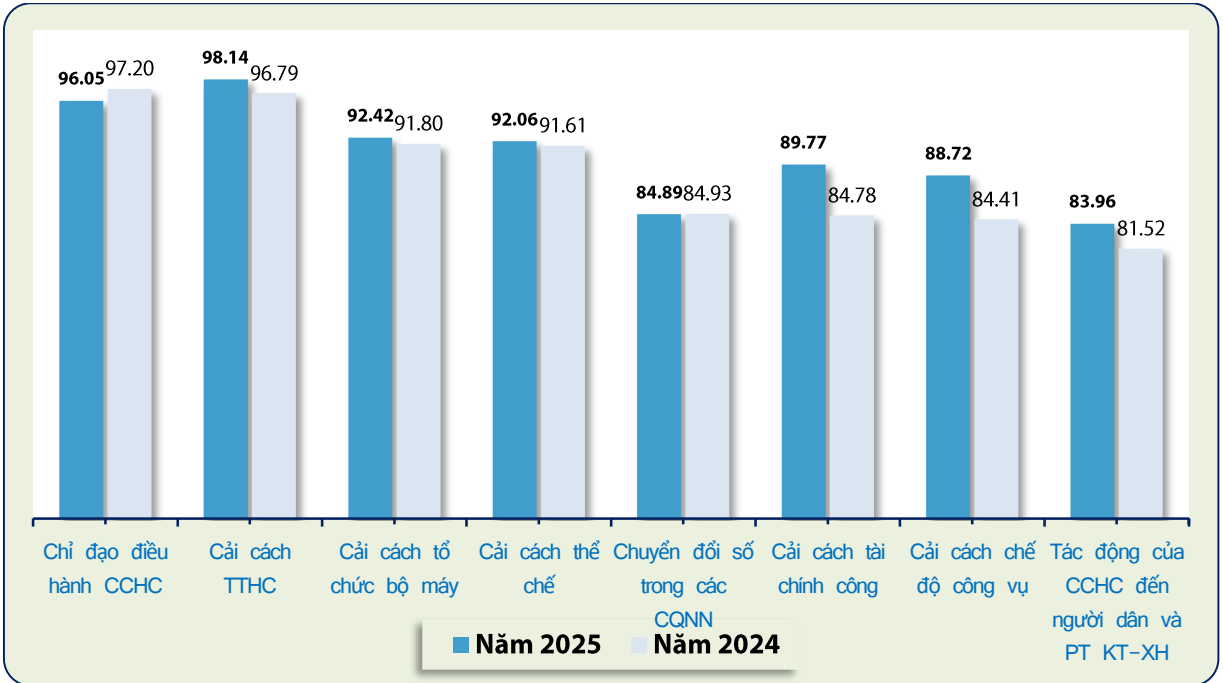
Nhóm B, đạt kết quả Chỉ số từ 80% - dưới 90%, gồm **16** tỉnh, thành phố.

Theo kết quả đánh giá, thành phố Hải Phòng đứng đầu bảng xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2025 với kết quả đạt 95.37%, trước khi sáp nhập với Hải Dương, Hải Phòng cũng đã có 2 năm dẫn đầu cả nước về Chỉ số CCHC (năm 2021 và 2024). Xếp vị trí thứ 2 trên bảng xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2025 là tỉnh Quảng Ninh với kết quả đạt 93.16%. Tiếp theo là tỉnh Đồng Nai, xếp vị trí thứ 3/34 với kết quả đạt 93.10%.

Đứng cuối bảng xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2025 là tỉnh Cao Bằng, đạt 82.73%. Qua đánh giá, năm 2025 tỉnh Cao Bằng đã có nỗ lực trong lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh CCHC tại địa phương, một số nội dung cho kết quả khá tích cực như cải cách thể chế, sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng một số nội dung, nhiệm vụ cải cách còn bộc lộ nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao.



Biểu đồ 2: Chỉ số CCHC năm 2025 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương



Biểu đồ 3: So sánh giá trị trung bình 8 chỉ số thành phần các năm 2024, 2025

Theo tài liệu đánh giá, năm 2025, có 06/8 chỉ số thành phần tăng điểm; tăng cao nhất là Chỉ số thành phần “Cải cách tài chính công” (+4.99%). Kết quả đánh giá cũng ghi nhận 02/8 chỉ số thành phần giảm điểm so với năm 2024 đó là các Chỉ số thành phần “Công tác chỉ đạo điều hành CCHC” (-1.39%) và “Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước”, giảm nhẹ (-0.04%). Kết quả đánh giá cho thấy, công tác chỉ đạo, điều hành CCHC và thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo rất sát sao, quyết liệt của lãnh đạo các địa phương. Mặc dù với khối lượng công việc lớn, nhiều nhiệm vụ khó, phức tạp chưa có tiền lệ, nhất là các nhiệm vụ về chuyển đổi số, nhưng các địa phương đã có nhiều nỗ lực, quyết tâm cao và nhiều giải pháp, cách làm mới được áp dụng, nhân rộng để hoàn thành nhiệm vụ CCHC ở mức tốt nhất. Tuy nhiên, qua đánh giá cũng chỉ ra một số khó khăn, bất cập trong các nội dung này và đã phản ánh một phần vào kết quả chỉ số CCHC.

Năm 2025, Chỉ số thành phần “Cải cách TTHC” có giá trị trung bình cao nhất trong 8 chỉ số thành phần đánh giá, đạt 98.14%, cao hơn 1.35% so với năm 2024 (đạt 96.79%). Tất cả các địa phương đều đạt kết quả trên 90% đối với Chỉ số thành phần này; đứng đầu là thành phố Hải Phòng (99.92%), đứng cuối là tỉnh Lạng Sơn (91.08%).

Xếp vị trí thứ 2 là Chỉ số thành phần “Công tác chỉ đạo điều hành CCHC”, với kết quả là 96.05%, **thấp hơn 1.23%** so với năm 2024 (97.28%); có 03 địa phương đạt tỷ lệ điểm đánh giá tối đa (100%); ngoài ra còn 29 địa phương đạt tỷ lệ đánh giá trên 90%; 02 địa phương đứng cuối bảng xếp hạng có tỷ lệ điểm đánh giá trong khoảng 80% - dưới 90%. Địa phương có tỷ lệ điểm thấp nhất đối với

Chỉ số thành phần này là Hà Tĩnh, đạt 85.70%.

Chỉ số thành phần “Cải cách tổ chức bộ máy” xếp vị trí thứ 3, đạt 92.42%, cao hơn 0.63% so với năm 2024 (đạt 91.79%). Đứng đầu bảng xếp hạng Chỉ số thành phần này là tỉnh Tây Ninh, đạt 96.15%, thấp nhất là tỉnh Cà Mau, đạt 88.07%.

Xếp vị trí thứ 4 là Chỉ số thành phần “Cải cách thể chế”, đạt trung bình 92.06%, cao hơn 0.45% so với năm 2024 (đạt 91.61%). Đứng đầu bảng xếp hạng là Hải Phòng, đạt 98.24%; đứng vị trí thứ 34/34 là Thanh Hóa, đạt 81.23%.

Xếp thứ 5 là Chỉ số thành phần “Cải cách tài chính công”, đạt 89.77%, cao hơn 4.99% so với năm 2024 (đạt 84.78%). Có 20/34 địa phương đạt kết quả trên 90%, đứng đầu bảng xếp hạng ở Chỉ số thành phần này là Hải Phòng, đạt 98.94%. Thấp nhất là An Giang, đạt 67.44%.

Xếp vị trí thứ 6 là Chỉ số thành phần “Cải cách chế độ công vụ”, đạt 88.72%, cao hơn 4.38% so với năm 2024 (đạt 84.34%). Có 14/34 địa phương cho kết quả cao hơn 90%; đứng đầu bảng xếp hạng là Hải Phòng, đạt 96.33%, thấp nhất là Cao Bằng đạt 76.80%.

Chỉ số thành phần “Chuyên đổi số trong các cơ quan nhà nước” xếp vị trí thứ 7/8 Chỉ số thành phần đạt 84.89%, thấp hơn 0.04% so với năm 2024 (đạt 84.93%); dẫn đầu bảng xếp hạng là Ninh Bình, đạt 97.17%. 06 địa phương ở nhóm cuối bảng xếp hạng đều cho kết quả đánh giá dưới 80%, trong đó, xếp vị trí thứ 34/34 là Cao Bằng, đạt 71.19%.

Xếp vị trí thứ 8 là Chỉ số thành phần “Tác động của CCHC đến người dân và PT KT-XH tại địa phương” đạt giá trị trung bình 83.96%, cao hơn 2.48% so với năm 2024 (đạt 81.48%); cao nhất là tỉnh Quảng Ninh, đạt 92.45%, thấp nhất là Lạng Sơn, đạt 68.07%.

3. Nhận xét, đánh giá chung

3.1. Những kết quả đạt được

Năm 2025, công tác cải cách hành chính tiếp tục được triển khai toàn diện, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực. Một số nội dung cải cách đã có những bước đột phá mới mang tính lịch sử, góp phần tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả của nền hành chính quốc gia và tạo tiền đề quan trọng cho thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới.

Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC đã được chú trọng với nhiều đổi mới, sáng tạo, linh hoạt của lãnh đạo các cấp, các ngành để kịp thời ứng phó với những diễn biến phức tạp, khó lường phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC. Hàng loạt điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách đã được quan tâm tháo gỡ thông qua những quyết sách đột phá từ Trung ương và lãnh đạo các địa phương để khơi thông và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xác hội. Cải cách thủ tục hành chính đã dần đi vào chiều sâu, thực chất hơn và chú trọng đơn giản hóa dựa trên dữ liệu có sẵn để tạo điều kiện cho người dân, chứ không đơn thuần là cắt giảm hồ sơ, thời gian một cách cơ học. Cùng với đó, công tác kiểm tra, giám

sát được tăng cường, đẩy mạnh phòng chống gian lận thương mại và thuế đã góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thuận lợi, công bằng và nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hệ thống tổ chức bộ máy được triển khai quyết liệt, khẩn trương, khoa học với khối lượng công việc đồ sộ, có nội dung khó, phức tạp, chưa có tiền lệ nhưng đã có nhiều kết quả đột phá; các tầng nấc trung gian đã được sắp xếp, tinh giản; cơ chế phân quyền, phân cấp, ủy quyền được đẩy mạnh gắn với năng lực thực thi. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức đã có những bước tiến mới; hành lang pháp lý được hoàn thiện; nhiều cơ chế, chính sách mới được ban hành và công tác đánh giá, xếp loại công chức hàng năm được đổi mới. Các quy định, cơ chế, chính sách quản lý tài chính - ngân sách đã được hoàn thiện một bước, ngày càng đồng bộ, toàn diện và nâng cao tính công khai, minh bạch; công tác giải ngân đầu tư công được quan tâm đặc biệt và hiệu quả; thu NSNN ở nhiều nơi đã đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra. Chuyển đổi số tiếp tục là điểm sáng của cải cách, dần thấm sâu vào các hoạt động hàng ngày và sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, đóng góp quan trọng vào nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế trong kỷ nguyên mới.

Những thành tựu đạt được của công tác cải cách hành chính trong năm qua của các bộ, ngành, địa phương đã cơ bản được định lượng, thể hiện thông qua kết quả điểm, xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2025. Sau 14 năm triển khai, Chỉ số CCHC tiếp tục khẳng định là công cụ quản lý quan trọng, thước đo hiệu quả giúp xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của từng cơ quan, đơn vị; đồng thời, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ CCHC, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị.

3.2. Một số tồn tại, hạn chế

Qua xác định Chỉ số CCHC năm 2025 đã chỉ ra cụ thể những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC của các bộ, địa phương, đó là:

- Các bộ, ngành, địa phương đã đẩy mạnh công tác kiểm tra, đánh giá, tuy nhiên, việc xử lý những tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra ở một số địa phương còn chậm; có nơi thực hiện còn hình thức, chưa xử lý dứt điểm những hạn chế, bất cập. Công tác tuyên truyền CCHC có nơi còn chưa hiệu quả, mức độ quan tâm của người dân chưa cao. Một số nơi còn chậm trễ thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng giao trong năm.

- Một số bộ, ngành, địa phương vẫn còn xảy ra tình trạng chậm xử lý các văn bản trái pháp luật đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và kết luận. Kết quả khảo sát cho thấy, tính hợp lý và khả thi của các văn bản pháp luật vẫn tiếp tục được đánh giá thấp bởi các đối tượng lãnh đạo, quản lý.

- Một số địa phương công khai và cập nhật TTHC chậm hoặc không đầy đủ so với quy định; tình trạng trễ hẹn giải quyết hồ sơ vẫn tập trung vào một số lĩnh vực như đất đai, xây dựng,...; việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia vẫn có lúc bị gián đoạn,...

- Việc hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm sau sắp xếp tổ chức bộ máy vẫn còn chậm ở một số nơi. Kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số nơi chưa nghiêm, vẫn còn lãnh đạo, quản lý sai phạm trong thực thi công vụ dẫn đến bị xử lý kỷ luật, xử lý hình sự.

- Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước ở một số đơn vị còn đạt tỷ lệ hoàn thành thấp; tình trạng sai phạm trong quản lý, sử dụng tài chính ngân sách vẫn còn xảy ra ở một số nơi, đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận và kiến nghị xử lý; việc thực hiện chủ trương giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập còn gặp nhiều khó khăn;

- Một số đơn vị có tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu chuyên đổi số thấp. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến, thanh toán trực tuyến vẫn còn thấp so với mục tiêu đề ra. Tỷ lệ tái sử dụng kết quả, giấy tờ đã số hóa trong giải quyết TTHC chưa cao. Trong quá trình chuyên đổi và nâng cấp hệ thống, người dân vẫn còn gặp khó khăn nhất đi khi tra cứu, thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Có tình trạng một số cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành đã xây dựng, nhưng dữ liệu chưa cập nhật theo thời gian thực, hoặc chưa kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với hệ thống khác dẫn đến hiệu quả khai thác thông tin cơ sở dữ liệu chưa cao.

Trên cơ sở kết quả Chỉ số CCHC 2025, Bộ Nội vụ đề nghị các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo rà soát, phân tích kết quả thực hiện các nội dung cải cách hành chính; từ đó, xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, nguyên nhân và trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức trong triển khai nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính nhằm duy trì, phát huy những kết quả tích cực đã đạt được, đồng thời chủ động, kịp thời có giải pháp cụ thể, thiết thực để khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra trong Chỉ số CCHC 2025./.
